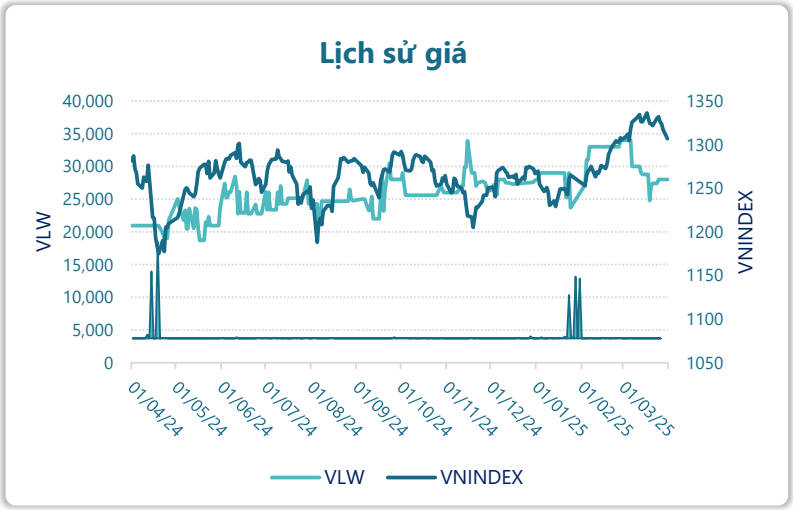
FireAnt

CTCP Cấp nước Vĩnh Long (UPCOM: VLW)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**28,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,708
SL cổ phiếu LH	28,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,056
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	809
P/E	11.1
EPS	2,519

DT thuần

Q1/25

43.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.1| -20.2%

YoY: ▲ 0.40| 1.0%

LN sau thuế

Q1/25

12.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.9| -56.7%

YoY: ▼0.30| -2.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

45.7%

+/- YoY: ▼ 1.3%

DT thuần

2024

195

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.00| 4.4%

LN sau thuế

2024

73.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.80| -9.7%

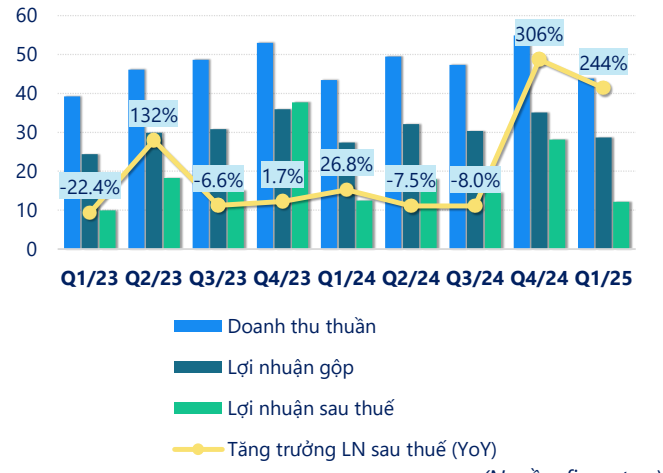
ROE

2024

15.6%

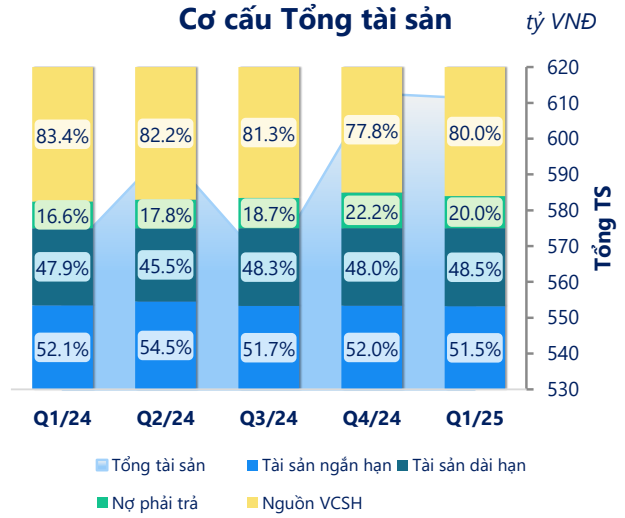
+/- YoY: ▼ 2.8%

Kết quả kinh doanh



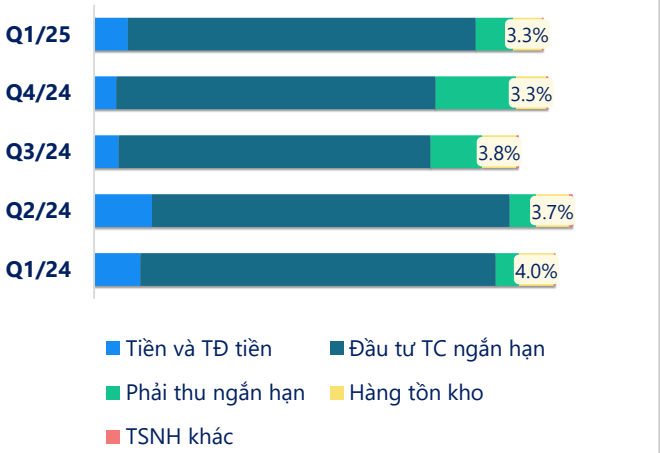
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



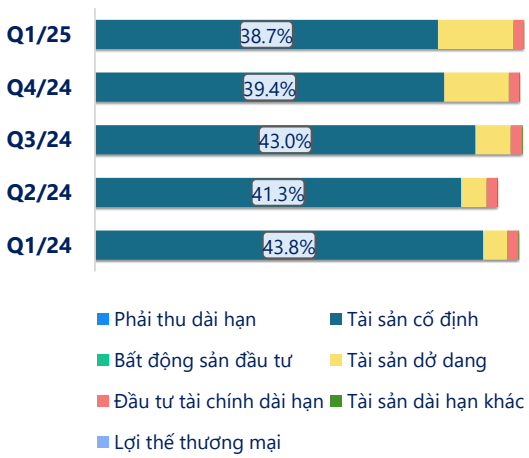
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



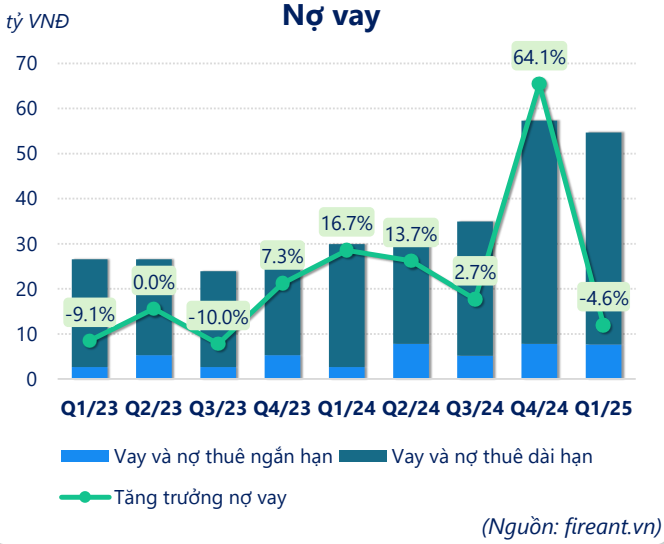
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



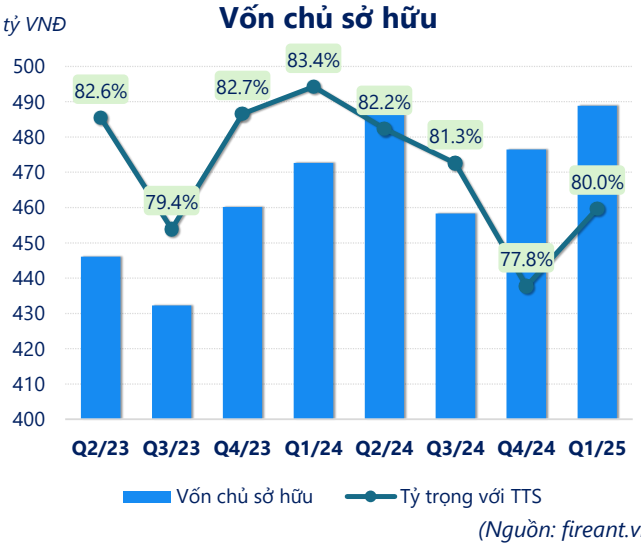
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



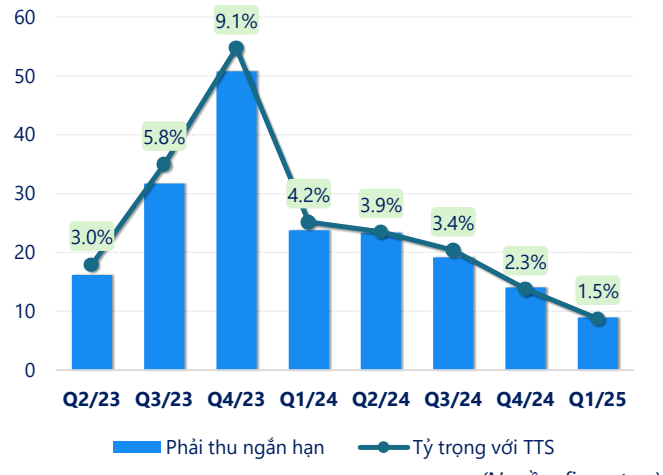
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



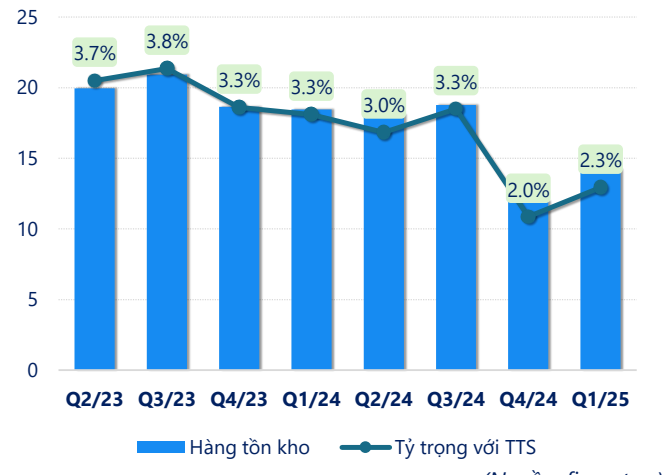
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



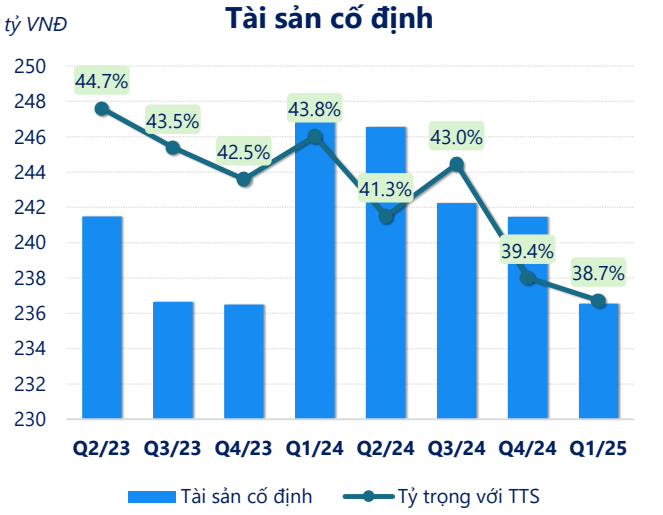
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



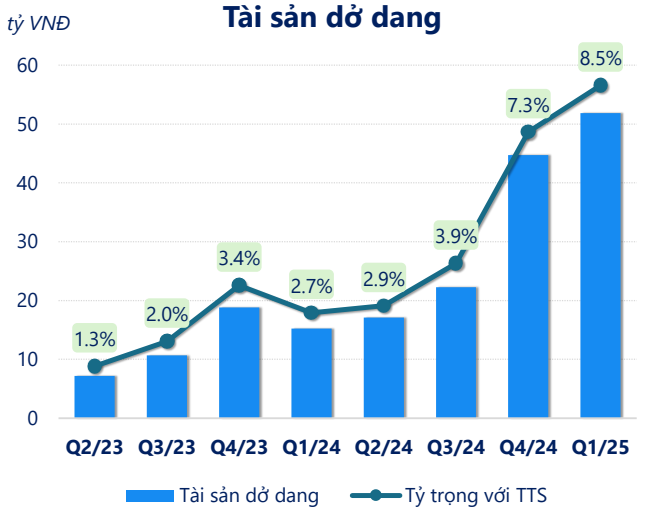
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



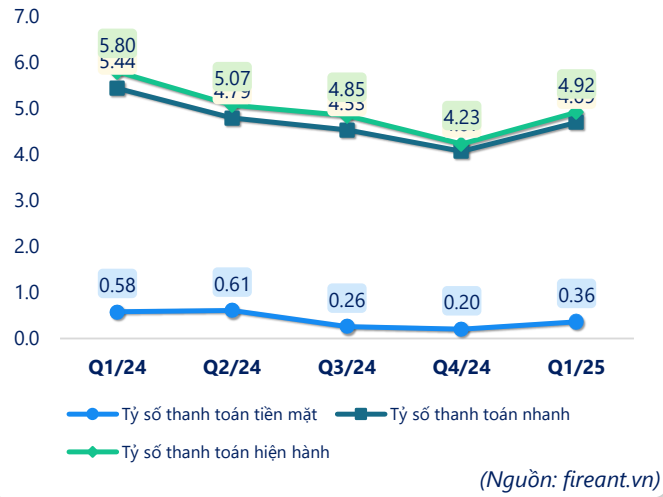
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



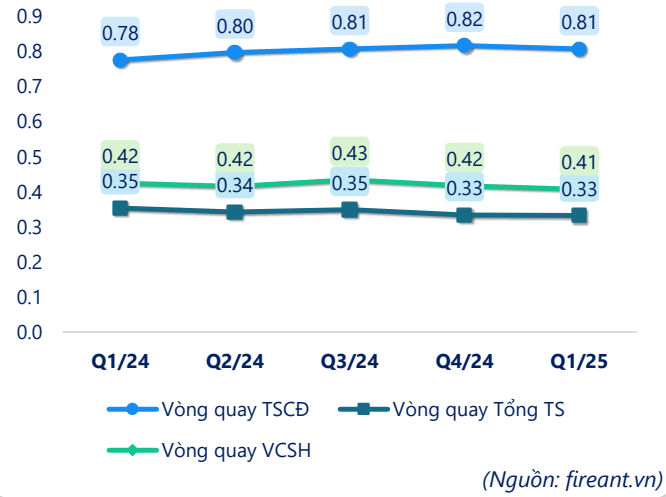
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**567**	**597**	**564**	**613**	**611**
Tài sản ngắn hạn	**295**	**325**	**292**	**319**	**315**
Tiền và tương đương tiền	29.5	39.0	15.7	15.3	23.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	222	244	237	276	268
Phải thu ngắn hạn	23.8	23.4	19.2	14.1	8.92
Hàng tồn kho	18.5	18.1	18.8	12.0	14.2
Tài sản ngắn hạn khác	1.08	1.00	0.56	1.56	1.01
Tài sản dài hạn	**271**	**271**	**272**	**294**	**296**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	248	247	242	241	237
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	15.2	17.1	22.3	44.7	51.9
Đầu tư tài chính dài hạn	7.21	7.21	7.21	7.21	7.21
Tài sản dài hạn khác	0.54	0.57	0.63	0.58	0.56
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**93.9**	**106**	**106**	**136**	**122**
Nợ ngắn hạn	**50.9**	**64.1**	**60.2**	**75.4**	**64.1**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.65	7.81	5.15	7.81	7.65
Phải trả người bán ngắn hạn	5.84	4.84	3.30	8.75	9.70
Nợ dài hạn	43.0	41.9	45.5	60.8	58.3
Vay và nợ thuê dài hạn	27.2	26.2	29.8	49.5	47.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**473**	**491**	**458**	**476**	**489**
Vốn chủ sở hữu	**473**	**491**	**458**	**476**	**489**
Vốn điều lệ	289	289	289	289	289
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)